

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 20-6-2019
“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hữu Phước.

2/ Ông Thạch Thanh Long.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-DS, ngày 16/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN S G T T (S)

Địa chỉ: Số 266 – 268, đường N K k N, P 8, Q 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Duy N – Chức vụ: Giám đốc – Là người đại diện theo ủy quyền số: 3904/2017/GUQ – PL&TT ngày 14 tháng 12 năm 2017). V/V ký hợp đồng/văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng do Tổng giám đốc N h TMCP S G TT ký và ban hành.

Địa chỉ Trụ sở S - Chi nhánh Trà Vinh: S 555, đường N Đ, K 3, P 6, Thành phố T V, tỉnh Trà Vinh

Ông Châu Duy N ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983 – Chức vụ: Phó Phòng Phụ trách - Phòng giao dịch C L, thuộc Ngân hàng TMCP S G T t (S) Chi nhánh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền số: 23B/2018/GUQ – CNTV, ngày 02 tháng 02 năm 2018. (Có mặt).

Bị đơn: 1/ Ông Phan Văn T, sinh năm 1964.

2/ Bà Lê Thị N, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: ấp 9B, xã A T A, huyện C L, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của NGÂN HÀNG T M C P S G T T (S) có lời trình bày như sau: Vào ngày 21 tháng 7 năm 2016 ông Phan Văn T và bà Lê Thị N đã ký hợp đồng vay số: LD1620300310 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LD162030010 với Ngân hàng TMCP S G T t (S) – Phòng giao dịch C L để vay số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*) mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay là 36 tháng, lãi xuất 13,2%/ năm được ấn định theo hợp đồng. Khi vay ông T, bà N thế chấp cho Ngân hàng một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 288,0m² loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất 1618, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp 9B, xã A T A, huyện C L, tỉnh Trà Vinh do bà Lê Thị N đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi vay tiền ông T, bà N không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi, trả vốn làm ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ của Ngân hàng.

Nay đại diện Ngân hàng yêu cầu ông T và bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ là 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*), tiền lãi tính đến ngày 20/6/2019 là 17.387.939đồng (*Mười bảy triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*) và yêu cầu ông T bà N tiếp tục thanh toán lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng vay từ ngày 21/6/2019 cho đến khi ông, bà trả dứt nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp ông T bà N không thanh toán nợ vay thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp gồm: diện tích 288,0m² loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất 1618, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp 9B, xã A T A, huyện C L, tỉnh Trà Vinh do bà Lê Thị N đứng tên quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Phan Văn T và bà Lê Thị N dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông Phan Văn T và bà Lê Thị N vắng mặt do đó Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ông T và bà N còn nợ Ngân hàng TMCP S G T T (S) số tiền vốn và tiền lãi là 67.378.939đồng (*Sáu mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phan Văn T và bà Lê Thị N vắng mặt lần thứ hai, dù đã được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng.

Vị Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long phát biểu ý kiến: Về trình tự thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng qui định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông Phan Văn T và bà Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành nghiêm, phía Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông T và bà N. Vì đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 274, 280, 292, 299, 308, 317, 320, 321, 322, 323, 357, 357, 463, 465, 466, 468, 470 và 688 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 26, 147, 227, 228 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Áp dụng

điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S G T T (S). Buộc ông Phan Văn T, bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S G T T (S) số tiền gốc và lãi là 67.387.939 đồng (*Sáu mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*). Ngoài ra Vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các đương sự phải chịu án phí và lệ phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay ông Phan Văn T và bà Lê Thị N là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S G T T (S) thì vào ngày 21 tháng 7 năm 2016 ông Phan Văn T và bà Lê Thị N đã ký hợp đồng vay số: LD1620300310 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LD162030010 diện tích đất thế chấp là 288,0m² loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất 1618, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp 9B, xã A T A, huyện C L, tỉnh Trà Vinh do bà Lê Thị N đứng tên quyền sử dụng đất với Ngân hàng TMCP S G T T (S) - Phòng giao dịch C L để vay số tiền là 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và thỏa thuận lãi suất 13,2%/ năm theo hợp đồng. Như vậy việc ông T, bà N có ký hợp đồng vay tiền và trả tiền lãi hàng tháng cho Ngân hàng TMCP S G T T S là có thật. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*”. Ngân hàng TMCP S G T T (S), đã cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của Ngân hàng là ông T, bà N có ký hợp đồng vay số LD1620300310, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LD162030010 ngày vào 21 tháng 7 năm 2016; Hai giấy nhận nợ LD172100238 và LD 16204400519 do ông T và bà N cùng ký tên vay và nhận nợ với Ngân hàng TMCP S G T T S – Phòng giao dịch C L. Xét thấy hợp đồng vay số: LD162030010 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LD162030010 cùng ngày 21 tháng 7 năm 2016 do ông T, bà N ký với Ngân hàng TMCP S G T T là tự nguyện, không ai ép buộc đây là hình thức vay tiền có kỳ hạn và có lãi suất, mục đích vay tiền để ông T, bà N về bổ sung vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp. Khi đến hạn trả đóng lãi và trả nợ gốc ông T, bà N không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi, trả vốn cho Ngân hàng, phía Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T, bà N không có thiện chí trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay.

Từ những cơ sở nêu trên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S G T T (S), buộc ông Phan Văn T và bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S G T T (S) số tiền vốn, tiền lãi còn nợ đến ngày 20 tháng 6

năm 2019 tổng cộng là 67.387.939đồng (*Sáu mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T và bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Trường hợp ông T và bà N không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng T m c p S G T T (S) được quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LD162030010 ngày vào 21 tháng 7 năm 2016 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn T và bà Lê Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Ngân hàng không phải chịu án phí và sẽ được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về lệ phí khảo sát, thẩm định phân tài sản: Số tiền là 888.000đồng (*Tám trăm tám mươi tám nghìn đồng*). Ông Phan Văn T và bà Lê Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng các điều 274, 280, 292, 299, 308, 317, 320, 321, 322, 323, 357, 463, 465, 466, 468, 470 và 688 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 26, 35, 144, 147, 157, 227, 228 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Áp dụng điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S G T T (S). Buộc ông Phan Văn T và bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S G T T (S) số tiền vay còn nợ tính đến ngày 20 tháng 6 năm 2019 tổng cộng vốn, lãi là 67.387.939đồng (*Sáu mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó tiền vốn là 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*), tiền lãi là 17.387.939đồng (*Mười bảy triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi chín đồng*).

[4] “Kể từ ngày 21/6/2019 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

[5] Trường hợp ông Phan Văn T và bà Lê Thị N không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng T m c p S G T T (S) được quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:

LD162030010 ngày vào 21 tháng 7 năm 2016 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phan Văn T và bà Lê Thị N có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là 3.369.000đồng (*Ba triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S G T T (S) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.319.000đồng (*Một triệu ba trăm mười chín nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0014506 ngày 16/01/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L thu.

[7] Về lệ phí khảo sát, thẩm định phần tài sản ông Phan Văn T và bà Lê Thị N phải chịu số tiền là 888.000đồng (*Tám trăm tám mươi tám nghìn đồng*). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S G T T (S) số tiền 888.000đồng (*Tám trăm tám mươi tám nghìn đồng*) khi thu từ ông Phan Văn T và bà Lê Thị N.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện C L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Liên

